

Bản án số: 83/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24-7-2024.

V/v: “Ly hôn, Tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”.

B DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN B DÂN THỊ XÃ NINH HOÀ, TỈNH KHÁNH HÒA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Huyền

Các Hội thẩm B dân: Bà Phan Mai Minh Khánh

Bà Nguyễn Thị Hoàng Vũ

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Công Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Mỹ Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 210/2024/TLST-HNGĐ ngày 05/4/2024 về tranh chấp: “Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/7/2024 giữa:

* **Nguyên đơn:** Bà **Lương Thị A**, sinh năm: 1992

Địa chỉ: Thôn T, xã P, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà. Có mặt.

* **Bị đơn:** Ông **Trần Ngọc B**, sinh năm: 1974

Địa chỉ: Thôn P2, xã I, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, nguyên đơn bà Lương Thị A trình bày:** Bà và ông Trần Ngọc B đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã I. Trong quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2020. Sau đó ông bà phát sinh mâu thuẫn do khó khăn về kinh tế gia đình, ông B thường nhậu nhẹt về đánh đập vợ con. Đến tháng 01 năm 2024 bà bỏ về xã P ở, ông bà ly thân từ đây. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án nhân dân thị xã Ninh Hoà giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

Về con chung: Ông bà có một con chung là cháu Trần Lương A1, sinh ngày 03/10/2015. Sau khi ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu A1 và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

* **Theo lời trình bày của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:** Ông và bà Lương Thị A đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã I.

Quá trình chung sống, giữa ông và bà A nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất hoà. Từ khi con gái được khoảng 3 tuổi, bà A thường xuyên bỏ đi, không quan tâm gì đến con cái, mọi chuyện chăm sóc khi con ốm đau, ăn uống học hành đều do một tay ông lo liệu. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 01/2024 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn. Vì thế ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà A.

Về con chung: Ông bà có một con chung là cháu Trần Lương A1, sinh ngày 03/10/2015. Vì lý do từ trước đến nay, ông là người chăm sóc cho con, vì thế sau khi ly hôn ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu A1 và không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

*** *Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà A và ông B.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Trần Lương A1, sinh ngày 03/10/2015 cho bà Lương Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông B không cấp dưỡng nuôi con do bà A không yêu cầu.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Bà A, ông B không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Các đương sự phải nộp án phí Hôn B và gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về quan hệ hôn nhân gia đình về ly hôn, con chung vì vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm.

- Bị đơn hiện đang cư trú tại thôn P, xã I, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị A và ông Trần Ngọc B tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã I cấp giấy chứng nhận kết hôn số

54/2015, quyền số 01 ngày 31/8/2015 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Lời trình bày của các đương sự đều thể hiện trong quá trình chung sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng vì thế không còn sống chung từ tháng 01/2024 đến nay. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy các đương sự đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn và có nguyện vọng được giải quyết cho ly hôn, vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của bà A, ông B theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: Bà Lương Thị A và ông Trần Ngọc B có một con chung là cháu Trần Lương A1, sinh ngày 03/10/2015. Sau khi ly hôn, bà A và ông B đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà các đương sự đều trình bày, trước đây bà A có nhiều lần bỏ đi do mâu thuẫn vợ chồng, mỗi lần bỏ đi từ 2-3 tháng, trong thời gian này một mình ông B chăm sóc cho việc ăn uống, học hành, sức khoẻ của con. Đến khi ông B liên lạc, năn nỉ thì bà A mới chịu quay về. Bà A trình bày ông B nhậu nhẹt đánh đập vợ con nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì. Hiện nay bà A làm công việc thời vụ, thu nhập không ổn định, thời gian làm việc không đảm bảo cho việc đưa đón con, thêm vào đó bà A chưa có chỗ ở ổn định. Tại phiên toà, bà A cũng thừa nhận điều kiện chăm lo cho con của ông B là tốt hơn, nhưng vì nguyện vọng của con muốn ở với mẹ nên bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bà được nuôi con.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: *“Vợ, chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thoả thuận được thì Toà án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”*

Mặc dù cháu A1 có nguyện vọng được ở với mẹ là bà A, tuy nhiên, các tài liệu, chứng cứ các bên cung cấp cũng như lời trình bày của các đương sự tại phiên toà, từ trước đến nay cháu A1 sống cùng ông B, được chăm sóc, học tập ổn định, công việc của ông B có thời gian linh động đảm bảo đưa đón cháu bé. Căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu A1 cho ông B được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn.

Ông B không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà A và ông B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí hôn B gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị A.

- Về hôn nhân: Bà Lương Thị A và Trần Ngọc B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Trần Lương A1, sinh ngày 03/10/2015 cho ông Trần Ngọc B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà A không phải cấp dưỡng nuôi con do ông B không yêu cầu.

Bà Lương Thị A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung hoặc khi có căn cứ theo điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lương Thị A và ông Trần Ngọc B không yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí: Ông Trần Ngọc B phải chịu 75.000đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà Lương Thị A phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí hôn B và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005673 ngày 02/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Hoàn lại cho bà Lương Thị A số tiền 225.000 đồng (*Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã I (GCNKH số 54/2015, quyển số 01, ngày 31/8/2015);
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Lưu HS, AV.

Ngô Thị Thanh Huyền